

Hướng dẫn soạn bài Từ nhiều nghĩa và hiện tượng chuyển nghĩa của từ SGK lớp 6 tập 1 ngắn gọn, chi tiết, bám sát nội dung chương trình học giúp các em tiếp thu bài giảng một cách dễ hiểu và nhanh nhất dành cho các em học sinh lớp 6 tham khảo.

## 1. Kiến thức cơ bản

### 1. Từ nhiều nghĩa

a) Từ nhiều nghĩa là gì?

- Từ có thể có một nghĩa hay nhiều nghĩa
- Ban đầu, từ thường chỉ có một nghĩa nào đó. Nhưng trong thực tế sử dụng, để đáp ứng trình độ nhận thức ngày càng cao của con người, trình độ phát triển của xã hội, nhằm gọi tên, biểu đạt những sự vật, hiện tượng, khái niệm mới, ngoài cách tạo ra những đơn vị từ mới hoàn toàn, người ta thêm vào nghĩa mới cho những từ đã có sẵn. Cách thêm nghĩa mới vào cho từ chính là cách tạo ra từ nhiều nghĩa.
- Phân biệt giữa từ nhiều nghĩa và từ đồng âm:

Các nghĩa trong từ nhiều nghĩa có mối quan hệ nhất định với nhau, xem xét nghĩa của từ nhà trong các trường hợp sau:

(1) Ngôi nhà đã được xây xong.

(2) Dọn nhà đi nơi khác.

(3) Cả nhà đều có mặt đông đủ.

(4) Nhà Dậu mới được cời trới.

(5) Nhà Tiền Lê đổ, nhà Lí lên thay.

(6) Nhà ơi, giúp tôi một tay.

Như vậy, từ nhà có các nghĩa:

- Công trình xây dựng để ở, làm việc (1);
- Chỗ ở, nơi ở và các đồ đạc của một gia đình (2);
- Gia đình, những người sống cùng nhà (3);
- Chỉ người thay mặt cho một gia đình (thường dùng ở nông thôn) (4);
- Triều đình, dòng họ nhà vua (5);
- Tiếng để gọi vợ hoặc chồng (thường dùng ở nông thôn) (6).

Trong đó các trường hợp nghĩa đều có mối liên hệ với nghĩa ở trường hợp (1).

Từ đồng âm là những từ chỉ giống nhau về mặt âm thanh, nghĩa của chúng không có mối liên hệ nào. Ví dụ từ đồng:

- Ruộng đồng
- Đồng (kim loại)
- Đồng (đơn vị tiền tệ)
- Đồng lòng

b) Đọc bài thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

### Những cái chân

*Cái gậy có một chân  
Biết giúp bà khỏi ngã.  
Chiếc com-pa bố vẽ  
Có chân đứng, chân quay.  
Cái kiềng đun hằng ngày  
Ba chân xòe trong lửa.  
Chẳng bao giờ đi cả  
Là chiếc bàn bốn chân.  
Riêng cái võng Trường Sơn  
Không chân, đi khắp nước.*

(Vũ Quần Phương)

- Tra từ điển để biết các nghĩa của từ chân.
- Tìm một số từ có nhiều nghĩa khác trong bài thơ.
- Hãy chọn một số từ có một nghĩa trong bài thơ trên.

### Gợi ý:

- Nghĩa của từ chân: 1) Bộ phận dưới cùng của thân người hay động vật dùng để đi và đứng. 2) Phần dưới cùng, phần góc của một vật. 3) Bộ phận của một vật dùng để đỡ vật ấy đứng ngay được trên mặt phẳng. 4) Địa vị, chức vị của một người. (...)
- Ngã, vẽ, đứng, quay, võng,...
- Một số từ một nghĩa trong bài thơ: gậy, com-pa, kiềng

## 1.2. Hiện tượng chuyển nghĩa của từ

a) Chuyển nghĩa (của từ) là gì?

- Trong từ nhiều nghĩa, bao giờ cũng có nghĩa gốc (như nhà ở trường hợp 1; còn gọi là nghĩa đen) và nghĩa chuyển (còn gọi là nghĩa bóng). Hiện tượng thay đổi nghĩa từ nghĩa gốc ban đầu của từ gọi là chuyển nghĩa. Từ nhiều nghĩa là kết quả của sự chuyển nghĩa.
- Thông thường, trong câu từ chỉ có một nghĩa (tức là chỉ có một trong số các nghĩa của từ được hiểu). Nhưng cũng có khi trong câu từ mang nhiều nghĩa, cả nghĩa gốc và nghĩa chuyển, nhất là trong văn bản văn học nghệ thuật.

b) Tìm mối liên hệ giữa các nghĩa của từ chân.

Từ chân trong bài thơ Những cái chân được dùng với nhiều ý nghĩa. Tuy nhiên, các ý nghĩa đều có cơ sở từ nghĩa gốc: Chỉ bộ phận dưới cùng của thân người hay động vật dùng để đi, đứng.

Từ chân ở đây đã được dùng với nghĩa chuyển. Nghĩa chuyển với nghĩa gốc được tác giả sử dụng đồng thời đã tạo nên những liên tưởng thú vị, nhất là hình ảnh cái võng Trường Sơn dù không có chân mà cũng "đi khắp nước".

## 2. Rèn luyện kỹ năng

### 2.1. Hãy tìm một số trường hợp chuyển nghĩa của các từ đầu, mũi, tay.

Gợi ý: Trước hết phải xác định được nghĩa gốc của các từ này, sau đó mới tiến hành tìm nghĩa chuyển. Không xác định được nghĩa gốc thì cũng không thể xác định được nghĩa ấy được chuyển ra sao.

Đầu:

- Nghĩa gốc: phần trên nhất của thân thể người hay phần trước nhất của thân loài vật, ở đó có hệ thần kinh trung ương, phần lớn các giác quan, nối vào thân bằng cổ. Ví dụ: Đầu bạc răng long, đau đầu, nhức đầu, Đầu voi đuôi chuột,...
- Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp: Phần trên nhất, trước nhất của một vật (đầu trang sách, đầu sông, đầu đường), một sự việc (đầu mối), của một khoảng thời gian (đầu năm, đầu tháng, đầu tuần); hai phần trên nhất, trước nhất, ngoài cùng của một vật (hai đầu bút chì, đầu xanh đầu đỏ, đầu nhà). Phần tốt nhất (đứng đầu lớp về môn toán); trên hết, xuất sắc (đỗ đầu, vận động viên về đầu trong cuộc chạy việt dã)...)

Mũi:

- Nghĩa gốc: Phần nhô cao theo trục dọc của mặt, giữa trán và môi trên, trong đó có phần phía trước của hai lỗ vừa để thở, vừa là bộ phận của cơ quan khứu giác. Ví dụ: mũi lõ, mũi tẹt, sỏ mũi, khịt mũi,...
- Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp: Phần nhọn hoặc nhọn và sắc ở đầu một vật (mũi kim, mũi kéo, mũi dao). Phần đất nhọn nhô ra biển, sông (mũi Cà Mau, mũi đất). Hướng triển khai lực lượng, phần lực lượng quân đội tiến lên trước (cánh quân chia thành ba mũi, mũi quân thọc sâu vào lòng địch).(...)

Tay:

- Nghĩa gốc: Chi trên, từ vai đến ngón. Ví dụ: cánh tay, khuỷu tay, cổ tay, bàn tay, ngón tay, đau tay,...
- Các trường hợp chuyển nghĩa thường gặp: Chỗ để tì, vịn chi trên (tay ghế, tay vịn cầu thang). Trình độ nghề, trình độ làm việc gì đó (tay nghề, tay súng giỏi).(...)

## **2.2. Trong tiếng Việt, có một số từ chỉ bộ phận của cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người. Hãy kể ra những trường hợp chuyển nghĩa đó.**

Gợi ý: Các từ chỉ bộ phận cây cối được chuyển nghĩa để cấu tạo từ chỉ bộ phận cơ thể người: lá, quả, bông (lá lách, lá gan, bông trứng, quả tim,...).

## **2.3. Dưới đây là một số hiện tượng chuyển nghĩa của từ tiếng Việt. Hãy tìm thêm cho mỗi hiện tượng chuyển nghĩa đó ba ví dụ minh họa:**

- a) Chỉ sự vật chuyển thành chỉ hành động: cái cửa à cửa gỗ
- b) Chỉ hành động chuyển thành chỉ đơn vị: gánh củi đi à một gánh củi

Gợi ý:

Sự vật chuyển thành hành động:

- Mưa rào à trời đang mưa rào
- Cái quạt à bà quạt cho em
- Cái điện thoại à bạn điện thoại cho tôi nhé

Hành động chuyển thành đơn vị:

- Năm cơm à một năm cơm
- Bó củi lại à hai bó củi
- Vóc hai vóc gạo vào rá

## 2.4\*. Đọc đoạn trích và trả lời câu hỏi

### NGHĨA CỦA TỪ "BỤNG"

*Thông thường, khi nói đến ăn uống hoặc những cảm giác về việc ăn uống, ta nghĩ đến bụng. Ta vẫn thường nói: đói bụng, no bụng, ăn cho chắc bụng, con mắt to hơn cái bụng,... Bụng được dùng với nghĩa "bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột, dạ dày".*

*Nhưng các cụm từ nghĩ bụng, trong bụng mừng thầm, bụng bảo dạ, định bụng,... thì sao? Và hàng loạt cụm từ như thế nữa: suy bụng ta ra bụng người, đi guốc trong bụng, sống để bụng chết mang đi,... Trong những trường hợp này, từ bụng được hiểu theo cách khác: bụng là "biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra, đối với người, với việc nói chung".*

(Theo Hoàng Dĩ Đình)

a) Tác giả đoạn trích trên nêu lên mấy nghĩa của từ bụng? Đó là những nghĩa nào? Em có đồng ý với tác giả không?

b) Trong các trường hợp sau đây, từ bụng có nghĩa gì:

- Ăn cho ấm bụng.
- Anh ấy tốt bụng.
- Chạy nhiều, bụng chân rất săn chắc.

#### Gợi ý:

Từ bụng được nói đến với hai ý nghĩa: chỉ "bộ phận cơ thể người hoặc động vật chứa ruột và dạ dày"(1); "biểu tượng của ý nghĩ sâu kín, không bộc lộ ra, đối với người, với việc nói chung" (2)

Nhưng từ bụng còn có thể được nói đến với ý nghĩa: chỉ bộ phận phình to ở giữa của một số sự vật (3).

Ăn cho ấm bụng thuộc nghĩa (1); Anh ấy tốt bụng thuộc nghĩa (2); Chạy nhiều, bụng chân rất săn chắc thuộc nghĩa (3).